

Bản án số: 84/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Hồng Trang.
- Ông Trần Văn Rum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2025/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1984;

Cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; **CCCD: 072184002761, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/10/2024; có mặt.**

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1982;

Cư trú tại: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh; **CCCD: 072082016186, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021; có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phạm Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu L chung sống vợ chồng từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân do tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do anh L thường xuyên uống rượu và tham gia chơi đánh bạc, không quan tâm phụ giúp chị chăm lo cho gia đình, con chung. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn cho anh L thời gian để sửa đổi, nhưng không có kết quả, anh chị đã không còn chung sống từ tháng 12/2023, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu L có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 03/9/2016 và cháu Nguyễn Phương A1, sinh ngày 31/5/2019. Hiện nay 02 cháu đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn - anh Nguyễn Hữu L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2016. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, từ năm 2023 có tranh chấp nhỏ do anh thường uống rượu, có lần vợ chồng xảy ra cự cãi anh không kiềm chế được nên có đánh chị T vài bạt tay. Sau đó anh và chị T đã sống ly thân đến nay. Anh cũng tới lui thăm vợ và các con. Anh làm mướn, thu nhập không ổn định, chi tiêu trong gia đình đều do chị T lo, hàng tháng anh đưa chị T từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng để lo cho gia đình, con chung. Anh còn thương vợ, con nên chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Phạm Thị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 03/9/2016 và cháu Nguyễn Phương A1, sinh ngày 31/5/2019. Từ khi anh chị không chung sống đến nay, các cháu sống với chị T. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm mướn thu nhập không ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày: anh không đồng ý ly hôn, về con chung: anh yêu cầu được nuôi 02 cháu Nguyễn Minh A và cháu Nguyễn Phương A1, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 86 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 03/9/2016 và cháu Nguyễn Phương A1, sinh ngày 31/5/2019, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 26/3/2016, giấy chứng nhận kết hôn số 20 (bút lục số 04). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Quá trình chung sống, chị T và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2022 đến năm 2023 sống ly thân đến nay. Do đó, lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân của chị T và anh L có nhiều mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn là có cơ sở. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu không quan tâm phụ giúp chị chăm lo cho gia đình, con chung, thậm chí có lần đánh chị T (**bút lục...**) là vi phạm quyền, nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình;

Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L.

[2] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 03/9/2016 và cháu Nguyễn Phương A1, sinh ngày 31/5/2019, hiện nay 02 cháu đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T, anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do các bên cung cấp thể hiện: chị T có công việc, thu nhập ổn định hơn anh L thể hiện trong quá trình chung sống chị T là người trực tiếp chăm sóc các con chung và lo chi phí sinh hoạt gia đình. Ngoài ra, từ khi anh L và chị T sống ly thân đến nay, các cháu Minh A và Phương A1 đang được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Minh A ngày 29/8/2025 (bút lục số 23), cháu Minh A cũng có nguyện vọng sống với chị T. Do đó, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh A và cháu Nguyễn Phương A1.

Trong quá trình giải quyết vụ chị T đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Hữu L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 03/9/2016 và cháu Nguyễn Phương A1, sinh ngày 31/5/2019. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu L không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001530 ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh); chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã Trà Vong (số 20-26/3/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Oanh Kiều